

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 04- 2019
V/v tranh chấp HNGĐ
Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Mai Hương
2. Ông Phạm Phước Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Ng đơn: Võ Thị L, sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp An Lạc, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Võ Văn U, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp An Lạc, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà L, ông U có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bà Võ Thị L là Ng đơn trình bày:

-Về hôn nhân: Bà L và ông U được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 1987, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 11/11/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2015, ông U có quan hệ bất chính với người khác, thường xuyên uống rượu, không chăm lo làm ăn và quan tâm đến gia đình. Bà L đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông U vẫn không sửa đổi. Hiện tại, bà L và ông U không còn sống chung với nhau. Nhận thấy cuộc sống vợ

chồng không còn hạnh phúc nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Văn U.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Minh Kh, sinh năm 1989 và Võ Khắc Ng, sinh năm 1998. Hiện nay, các con đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là :

1. Diện tích đất 7.200,2m², thửa số 96, tờ bản đồ số 28, đất tọa lạc tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ ông Võ Văn U đứng tên QSDĐ.

2. Diện tích 1.331m², thửa số 60, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ ông Võ Văn U đứng tên QSDĐ.

3. Diện tích 3.657m², thửa số 68, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ ông Võ Văn U đứng tên QSDĐ.

4. Diện tích 272m², thửa số 67, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ ông Võ Văn U đứng tên QSDĐ.

5. Diện tích đất 619m², thuộc thửa số 66, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ ông Võ Văn U đứng tên QSDĐ. Trên đất có xây dựng 02 căn nhà:

5.1. 01 căn nhà cấp 4, vách tường, lợp mái tole, nền gạch men có chiều ngang 5.5m, chiều dài khoảng 21m, diện tích khoảng 115,5m² tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Hiện nay do bà L quản lý và sử dụng, tổng giá trị căn nhà và vật dụng trong gia đình là 150.000.000đồng.

5.2. 01 căn nhà sàn, lợp mái ngói xưa có chiều dài 5.5m, chiều dài khoảng 18m, diện tích 99m², tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Hiện nay do ông U quản lý và sử dụng, giá trị căn nhà và vật dụng trong gia đình là 100.000.000đồng.

6. Diện tích 1.360,0m², thửa số 714, tờ bản đồ số 1, đất trồng lúa tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ bà Võ Thị L đứng tên QSDĐ.

7. Diện tích 350,0m², thửa số 715, tờ bản đồ số 1, đất trồng lúa tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ bà Võ Thị L đứng tên QSDĐ.

8. Diện tích 1.200,0m², thửa số 705, tờ bản đồ số 1, đất trồng lúa tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ bà Võ Thị L đứng tên QSDĐ.

9. Diện tích 1.352,0m², thửa số 430, tờ bản đồ số 4, đất trồng lúa tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ bà Võ Thị L đứng tên QSDĐ.

10. Diện tích 5.865,0m², thửa số 347, tờ bản đồ số 4, đất trồng lúa tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ bà Võ Thị L đứng tên QSDĐ.

Khi ly hôn, bà L yêu cầu:

Nhận diện tích đất 200m², thuộc thửa số 66, tờ bản đồ số 6 và 01 căn nhà cấp 4 xây dựng trên phần đất, vách tường, lợp mái tole, nền gạch men có chiều ngang 5.5m, chiều dài khoảng 21m, diện tích khoảng 115,5m² tọa lạc tại ấp An

Lạc, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Hiện nay do bà L quản lý và sử dụng, tổng giá trị căn nhà và vật dụng trong gia đình là 150.000.000đồng.

Nhận tổng diện tích đất 10.127 m² đất trồng lúa, gồm những thửa đất sau đây:

1. Diện tích 1.360,0 m², thửa số 714, tờ bản đồ số 1, đất trồng lúa tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ bà Võ Thị L đứng tên QSDĐ.

2. Diện tích 350,0 m², thửa số 715, tờ bản đồ số 1, đất trồng lúa tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ bà Võ Thị L đứng tên QSDĐ.

3. Diện tích 1.200,0 m², thửa số 705, tờ bản đồ số 1, đất trồng lúa tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ bà Võ Thị L đứng tên QSDĐ.

4. Diện tích 1.352,0 m², thửa số 430, tờ bản đồ số 4, đất trồng lúa tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ bà Võ Thị L đứng tên QSDĐ.

5. Diện tích 5.865,0 m², thửa số 347, tờ bản đồ số 4, đất trồng lúa tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ bà Võ Thị L đứng tên QSDĐ.

-Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà L rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Võ Văn U là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Ông U thừa nhận lời trình bày của bà L về thời gian kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Tuy nhiên, mâu thuẫn không trầm trọng như bà L trình bày. Bên cạnh đó, ông U còn thương yêu bà L, muốn được quan tâm chăm sóc bà trong quãng đời còn lại, con chung đã trưởng thành mong muốn có đầy đủ cha mẹ trong quá trình thành hôn. Hàng ngày ông U vẫn lao động để có thu nhập trang trải cuộc sống, không thường xuyên uống rượu như bà L trình bày. Do đó, ông U không đồng ý ly hôn với bà L.

- Về con chung: Bà L và ông U có 02 con chung tên Võ Minh Kh, sinh năm 1989 và Võ Khắc Ng, sinh năm 1998. Hiện nay, các con đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung như bà L trình bày. Khi ly hôn, ông U đồng ý cùng bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không thiếu nợ ai, cũng không cho ai nợ.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Võ Thị L (photo);

- 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Võ Văn U (photo);

- 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Võ Minh Kh (photo);

- 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Võ Khắc Ng (photo);

- 01 sổ hộ khẩu (photo);

- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);
- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên hộ bà Võ Thị L, thửa số 741, 715, 705 (photo);
- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên hộ ông Võ Văn U, thửa số 66, 67, 68, 60 (photo);
- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên hộ ông Võ Văn U, thửa số 96 (photo);

Các đương sự thống nhất các tài liệu trong hồ sơ là đúng theo biên bản phiên họp tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 12/3/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Võ Thị L có đơn yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn U. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn*”.

Ông Võ Văn U là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L yêu cầu ly hôn với ông U, ông U không đồng ý ly hôn với bà L.

Bà L và ông U có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2002, do đó hôn nhân giữa bà L và ông U là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống không quan tâm lẫn nhau, mâu thuẫn càng trầm trọng hơn khi xảy ra tranh cãi, ông U có hành vi đánh bà L. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Mặc dù ông U không đồng ý ly hôn nhưng không có hành động hay đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa bà L và ông U đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà L.

- Về con chung: Bà L và ông U có 02 con chung tên Võ Minh Kh, sinh năm 1989 và Võ Khắc Ng, sinh năm 1998. Hiện nay, các con đã trưởng thành Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Do ông U không có yêu cầu, bên cạnh đó bà L có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của bà L về tài sản chung, không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Bà L và ông U cùng trình bày không có thiếu nợ ai, cũng không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Võ Thị L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, L phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, L phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị L.

Về hôn nhân: Bà Võ Thị L được ly hôn với ông Võ Văn U.

Về con chung: Bà L và ông U có 02 con chung tên Võ Minh Kh, sinh năm 1989 và Võ Khắc Ng, sinh năm 1998. Hiện nay, các con đã trưởng thành Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của bà Võ Thị L, do bà L rút yêu cầu

Về nợ chung: Bà L và ông U cùng trình bày không có thiếu nợ ai, cũng không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Võ Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006227 ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bà Võ Thị L được nhận lại số tiền 13.800.000 đồng theo biên lai số 0006228 ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Minh